

BẢNG 1
TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM, XẾP LOẠI THI ĐUA
Các đơn vị Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 70/QĐ-VKSTC ngày 31/3/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

I. CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN					
STT	STT chỉ tiêu nghiệp vụ	Tiêu chí chấm điểm	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
1. Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố					
1	1	Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố: 100%	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
2	2	Tỷ lệ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố giải quyết đúng thời hạn: 100%	05		- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 05 điểm
3	6	Trực tiếp thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố khi có đủ căn cứ theo quy định pháp luật: 100%	05		- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 05 điểm
4	7	Trực tiếp kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết, lập hồ sơ tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố: ≥ 01 lần/01 năm	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt ≥ 01 lần/01 năm được 5 điểm - Vượt 01 lần được cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm
		Tổng điểm	30		

2. Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn truy tố					
5	11	Tỷ lệ số người bị bắt, tạm giữ về hình sự chuyên khởi tố: $\geq 97\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 97\%$ được 07 điểm - Vượt 01% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.
6	15	Yêu cầu điều tra của Viện kiểm sát được Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra chấp nhận, thực hiện: 100%	05		- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 05 điểm
7	16	Yêu cầu áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản trong những vụ án về tham nhũng, kinh tế, chức vụ khi có đủ căn cứ, để bảo đảm việc bồi thường thiệt hại, thu hồi tài sản của Nhà nước bị thất thoát, chiếm đoạt: 100%	05		- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 05 điểm
8	17	Yêu cầu khởi tố hoặc trực tiếp ban hành quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can khi có đủ căn cứ nhưng Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra không khởi tố: 100%	05		- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 05 điểm
9	20	Tỷ lệ giải quyết án của Viện kiểm sát: $\geq 95\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 95\%$ được 07 điểm - Vượt 1% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.
10	22	Tỷ lệ án Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\leq 2\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\leq 2\%$ được 08 điểm - Giảm 01% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 02 điểm.

11	23	Tỷ lệ án Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\leq 3\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\leq 3\%$ được 07 điểm - Giảm 01% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.
12	24	Yêu cầu hoặc tự ban hành quyết định giải quyết vụ án tạm đình chỉ khi có đủ căn cứ: 100%	05		- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 05 điểm
13	25	Ban hành quyết định truy tố:			
		a) Đúng thời hạn: 100%	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt 100% được 10 điểm
		b) Đúng tội danh: $\geq 98\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 98\%$ được 08 điểm - Vượt 01% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 02 điểm.
		Tổng điểm	80		
3. Công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án hình sự					
14	42	Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm xét xử tuyên huỷ bản án, quyết định để điều tra, xét xử lại có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\leq 1,5\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\leq 1,5\%$ được 07 điểm - Giảm 0,5% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.

15	46	Số lượng kháng nghị của Viện kiểm sát			
		a) Số lượng kháng nghị phúc thẩm ngang cấp: Tỷ lệ giữa số kháng nghị phúc thẩm ngang cấp trên số bản án, quyết định sơ thẩm bị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên sửa hoặc huỷ do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\geq 25\%$	10		<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 25\%$ được 07 điểm - Vượt 01% cộng 0,5 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.
		b) Số lượng kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên: Tỷ lệ số kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của VKSND cấp tỉnh đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án cấp khu vực trên tổng số các vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh xét xử theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên sửa hoặc huỷ án do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\geq 15\%$	10		<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 15\%$ được 07 điểm - Vượt 01% cộng 0,5 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.
16	47	Chất lượng kháng nghị phúc thẩm:			
		- Kháng nghị phúc thẩm ngang cấp được bảo vệ: Tỷ lệ số bị cáo mà Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm trong bản án, quyết định của Tòa án ngang cấp mà được Viện kiểm sát cấp phúc thẩm bảo vệ kháng nghị trên tổng số bị cáo trong bản án, quyết định của Tòa án mà Viện kiểm sát đã kháng nghị phúc thẩm ngang cấp: $\geq 85\%$	15		<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 85\%$ được 10 điểm - Vượt 03% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
		- Kháng nghị phúc thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận: Tỷ lệ số bị cáo mà Viện kiểm sát bảo vệ kháng nghị phúc thẩm sau đó được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị trên tổng số bị cáo Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm Tòa án đã xét xử: $\geq 70\%$	15		<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 70\%$ được 10 điểm - Vượt 06% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.

		- Tỷ lệ số bị cáo mà Viện kiểm sát rút có kháng nghị phúc thẩm (kể cả rút tại phiên toà) và số bị cáo Tòa án không chấp nhận kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát trên tổng số bị cáo Viện kiểm sát đã kháng nghị phúc thẩm: $\leq 20\%$	15		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\leq 20\%$ được 10 điểm - Giảm 04% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
17	48	Chất lượng kháng nghị giám đốc thẩm:			
		Tỷ lệ số bị cáo có kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận trên tổng số bị cáo Viện kiểm sát kháng nghị được xét xử: $\geq 75\%$	15		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 75\%$ được 10 điểm - Vượt 05% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
		- Tỷ lệ số bị cáo Viện kiểm sát đã kháng nghị giám đốc thẩm nhưng sau đó đã rút kháng nghị (kể cả rút tại phiên toà) và số bị cáo Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị giám đốc thẩm của Viện kiểm sát trên tổng số bị cáo Viện kiểm sát kháng nghị giám đốc thẩm: $\leq 25\%$	15		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\leq 25\%$ được 10 điểm - Giảm 05% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
18	49	Tỷ lệ vụ việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm được giải quyết trên tổng số vụ việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đã thụ lý, giải quyết: $\geq 60\%$	15		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 60\%$ được 10 điểm - Vượt 04% cộng 0,5 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
19	50	Tỷ lệ vụ việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đã có hồ sơ giải quyết và được giải quyết trên tổng số vụ việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm Viện kiểm sát đã có hồ sơ xem xét, giải quyết: $\geq 80\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 80\%$ được 05 điểm - Vượt 04% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
		Tổng điểm	130		

4. Công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, thi hành án hình sự					
20	79	Kiểm sát quyết định miễn, hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ chấp hành án, chấp hành biện pháp tư pháp, rút ngắn thời gian thử thách: $\geq 80\%$	10		<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 80\%$ được 06 điểm - Vượt 05% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 04 điểm.
21	81	Trực tiếp kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự:			
		a) Trại tạm giam Công an cấp tỉnh ≥ 04 lần/ 01 năm;	10		<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt ≥ 04 lần/ 01 năm được 07 điểm - Vượt 01 lần cộng 01 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.
		b) Trại giam đóng trên địa bàn ≥ 02 lần / 01 năm;	10		<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt ≥ 02 lần/ 01 năm được 7 điểm - Vượt 01 lần cộng 01 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.
22	82, 83	Ban hành kháng nghị được chấp nhận: 01 kháng nghị/01 năm	10		<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt ≥ 01 lần/ 01 năm được 7 điểm - Vượt 01 lần cộng 01 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.
		Tổng điểm	40		

5. Công tác kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình					
23	93	Số bản án, quyết định Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm xét xử tuyên hủy có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\leq 1,5\%$	10		<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\leq 1,5\%$ được 07 điểm - Giảm 0,5% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.
24	96	Số lượng kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên: Tỷ lệ số kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án khu vực trên tổng số các vụ án được Tòa án cấp tỉnh xét xử theo thủ tục phúc thẩm và đã tuyên sửa hoặc hủy án do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm, có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\geq 20\%$	10		<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 20\%$ được 07 điểm - Vượt 02% cộng 0,5 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.
25	97	Chất lượng kháng nghị phúc thẩm:			
		a) Tỷ lệ số vụ, việc mà Viện kiểm sát bảo vệ kháng nghị phúc thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị trên số vụ, việc Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm Tòa án đã xét xử: $\geq 70\%$	15		<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 70\%$ được 10 điểm - Vượt 06% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
		b) Tỷ lệ số vụ, việc mà Viện kiểm sát đã rút kháng nghị phúc thẩm (trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa) trên tổng số vụ, việc Viện kiểm sát đã kháng nghị phúc thẩm: $\leq 5\%$	15		<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\leq 5\%$ được 10 điểm - Giảm 01% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.

		Chất lượng kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm:			
26	98	a) Tỷ lệ số vụ, việc có kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị trên tổng số vụ, việc Viện kiểm sát kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm và Tòa án đã xét xử: $\geq 75\%$	15		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 75\%$ được 10 điểm - Vượt 05% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
		b) Tỷ lệ kháng nghị của Viện kiểm sát rút (trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa) trên tổng số kháng nghị của Viện kiểm sát: $\leq 5\%$	15		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\leq 5\%$ được 10 điểm - Giảm 01% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
27	99	Tỷ lệ vụ việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm được giải quyết trên tổng số vụ việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đã thụ lý: $\geq 60\%$	15		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 60\%$ được 10 điểm - Vượt 04% cộng 0,5 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
28	100	Tỷ lệ vụ việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đã có hồ sơ giải quyết, được giải quyết trên tổng số vụ việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm mà Viện kiểm sát đã có hồ sơ để xem xét, giải quyết: $\geq 80\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 80\%$ được 06 điểm - Vượt 05% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 04 điểm.
		Tổng điểm	105		
6. Công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật					
29	115	Số bản án, quyết định bị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm xét xử tuyên hủy có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\leq 1,5\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\leq 1,5\%$ được 07 điểm - Giảm 0,5% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.

30	118	Số lượng kháng nghị của Viện kiểm sát cấp trên: Tỷ lệ số kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án khu vực trên tổng số các vụ án được Tòa án cấp tỉnh xét xử theo thủ tục phúc thẩm và đã tuyên sửa hoặc huỷ án do nguyên nhân chủ quan của cấp sơ thẩm, có trách nhiệm của Viện kiểm sát: $\geq 20\%$	10	<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 20\%$ được 07 điểm - Vượt 02% cộng 0,5 điểm. Tối đa không quá 03 điểm.
31	119	Chất lượng kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát:		
		a) Tỷ lệ số vụ, việc mà Viện kiểm sát bảo vệ kháng nghị phúc thẩm được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị trên số vụ, việc Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm Tòa án đã xét xử: $\geq 70\%$	15	<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 70\%$ được 10 điểm - Vượt 06% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
		b) Tỷ lệ số vụ, việc mà Viện kiểm sát đã rút kháng nghị phúc thẩm (trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa) trên tổng số vụ, việc Viện kiểm sát đã kháng nghị phúc thẩm: $\leq 05\%$	15	<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\leq 05\%$ được 10 điểm - Giảm 01% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
32	120	Chất lượng kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm:		
		a) Tỷ lệ số vụ, việc có kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị trên tổng số vụ, việc Viện kiểm sát kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm và Tòa án đã xét xử: $\geq 75\%$	15	<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 75\%$ được 10 điểm - Vượt 05% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
		b) Tỷ lệ kháng nghị của Viện kiểm sát rút (trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa) trên tổng số kháng nghị của Viện kiểm sát: $\leq 05\%$	15	<ul style="list-style-type: none"> - Không đạt không chấm điểm - Đạt $\leq 5\%$ được 10 điểm - Giảm 01% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.

33	121	Tỷ lệ vụ, việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm được giải quyết trên tổng số vụ, việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đã thụ lý: $\geq 60\%$	15		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 60\%$ được 10 điểm - Vượt 04% cộng 0,5 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
34	122	Tỷ lệ vụ, việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đã có hồ sơ giải quyết được giải quyết trên tổng số vụ, việc theo đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm Viện kiểm sát đã có hồ sơ xem xét, giải quyết: $\geq 80\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 80\%$ được 5 điểm - Vượt 04% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
Tổng điểm			105		
7. Công tác kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính					
35	136	Trực tiếp kiểm sát hoạt động thi hành án của Cơ quan thi hành án dân sự: Cơ quan THADS cùng cấp ≥ 01 lần/01 năm	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt ≥ 01 lần/01 năm được 5 điểm - Vượt 01 lần cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
8. Công tác kiểm sát và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp					
36	151	Tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát: $\geq 80\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 80\%$ được 05 điểm - Vượt 04% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
37	153	Trực tiếp kiểm sát hoặc áp dụng phương thức kiểm sát công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp, khi có đơn khiếu nại tố cáo trong hoạt động tư pháp: ≥ 01 lần/01 năm.	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt ≥ 01 lần/01 năm được 05 điểm - Vượt 01 lần cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.

38	154	Tỷ lệ kiểm sát việc giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp: $\geq 70\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt $\geq 70\%$ được 05 điểm - Vượt 06% cộng 01 điểm. Tối đa không quá 05 điểm.
		Tổng điểm	30		
		Tổng điểm chung = (1+2+3+4+5+6+7+8)	530		
II. CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG					
1.		Quản triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về công tác thi đua, khen thưởng; ban hành kế hoạch thi đua của năm (xác định rõ chủ đề, chỉ tiêu, nội dung thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị cơ quan, đơn vị)	15		- Không đạt không chấm điểm - Đạt chấm 15 điểm
2.		Tổ chức phát động phong trào thi đua, ký giao ước thi đua kịp thời, đúng quy định	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt chấm 10 điểm
3.		Tổ chức phát động, duy trì hiệu quả, tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua thường xuyên, chuyên đề, đợt cao điểm gắn với nhiệm vụ trọng tâm của Ngành, địa phương	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt chấm 10 điểm
4.		Bình xét thi đua, đề nghị khen thưởng bảo đảm chính xác, công khai, đúng đối tượng, đúng tỷ lệ, đúng quy định	15		- Không đạt không chấm điểm - Đạt chấm 15 điểm
5.		Thực hiện đầy đủ, đúng hạn chế độ thông tin, báo cáo về công tác thi đua, khen thưởng	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt chấm 10 điểm
6.		Có kế hoạch bồi dưỡng, xây dựng, phát hiện và tuyên truyền gương điển hình tiên tiến	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt chấm 10 điểm
		Tổng điểm	70		

III. CÔNG TÁC KHÁC				
STT	Tiêu chí chấm điểm	Điểm Tối đa	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
1	Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác năm bảo đảm đầy đủ, đúng tiến độ; thực hiện đầy đủ khâu đột phá theo chỉ đạo của Ngành	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
2	Chấp hành chế độ thông tin, báo cáo, thống kê trong Ngành bảo đảm đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn	05		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 05 điểm
3	Công tác văn phòng, hành chính, quản trị, tham mưu, phục vụ đảm bảo kịp thời, hiệu quả; công tác văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm an toàn hồ sơ, tài liệu thực hiện đúng quy định	05		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 05 điểm
4	Phối hợp tốt với các cơ quan tư pháp và các cơ quan có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
5	Công tác tổ chức, cán bộ (tuyển dụng, tiếp nhận, quy hoạch, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, đào tạo, đánh giá); thanh tra, kiểm tra (theo kế hoạch, đột xuất, công vụ, kỷ luật nội vụ, Quy chế dân chủ, phòng chống tham nhũng...); chế độ, chính sách đối với công chức, người lao động thực hiện đúng quy định	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
6	Có sáng kiến, giải pháp đổi mới trong công tác được áp dụng hiệu quả. Triển khai đầy đủ các phần mềm, nền tảng số của Ngành; kết quả Bộ chỉ số ứng dụng CNTT đạt yêu cầu	30		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 30 điểm
7	Thực hiện nghiêm chế độ kế toán, quản lý tài chính, ngân sách, tài sản công đúng quy định, hiệu quả. Mua sắm, đầu tư xây dựng cơ bản, thanh quyết toán đúng quy định, không để xảy ra sai phạm	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt yêu cầu thì được 10 điểm

8	Tổ chức Đảng và các đoàn thể trong đơn vị hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ và quy định; hằng năm được xếp loại từ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên	05		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 05 điểm
9	Thực hiện tốt việc tổ chức tiếp công dân theo đúng quy định (Có bố trí phòng tiếp công dân, phân công cán bộ tiếp công dân, có sổ theo dõi ...); không phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo; trường hợp phát sinh thực hiện giải quyết 100% theo quy định	05		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 05 điểm
	Tổng điểm	90		

IV. ĐIỂM THƯỞNG

STT	Tiêu chí chấm điểm	Điểm Tối đa	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
1	Tham mưu tốt cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác bảo đảm pháp luật, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; chủ trì tham mưu ban hành hoặc chủ trì tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch, quy chế phối hợp liên ngành; giải quyết tốt các vụ việc, vụ án phức tạp, dư luận quan tâm và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá (tổ tụng dân sự công ích, chuyển đổi số,..) và các nhiệm vụ đột xuất được giao.	30		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 30 điểm
2	Tổ chức, phát động phong trào thi đua nội bộ thiết thực, hiệu quả và có kết quả cụ thể (ngoài các phong trào thi đua do cấp trên phát động)	10		Cộng 02 điểm/01 phong trào; tối đa không quá 10 điểm.
3	Tổ chức các cuộc thi về Ngành, chuyên môn, nghiệp vụ	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
4	Chủ trì, phối hợp tổ chức hội thảo, tập huấn, tự đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Chất lượng, hiệu quả	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
5	Có thành tích xuất sắc được khen thưởng đột xuất trong năm	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm

6	Xác định án trọng điểm			
	a) ≥ 02 vụ đối với đơn vị < 100 vụ án vụ/01 năm	15		Vượt 01 vụ cộng thêm 05 điểm; tối đa không quá 15 điểm.
	b) $\geq 5\%$ đối với đơn vị ≥ 100 vụ án vụ/01 năm	15		Vượt 01% cộng thêm 05 điểm; tối đa không quá 15 điểm.
7	Ban hành kiến nghị được các cơ quan, đơn vị hữu quan chấp thuận $\geq 80\%$	10		- Không đạt không chấm điểm - Đạt được 10 điểm
	Tổng điểm	110		

V. ĐIỂM TRỪ

STT	Tiêu chí chấm điểm	Điểm Tối đa	Điểm tự chấm	Hướng dẫn chấm điểm
1	Tự chấm điểm thi đua không khách quan, chính xác theo các tiêu chí của Bảng chấm điểm thi đua	- 10		Trừ 10 điểm
2	Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngành; những nhiễu, tiêu cực, lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi	- 05		Trừ 05 điểm
3	Cản trở hoặc ép buộc cá nhân, tổ chức tham gia phong trào thi đua	- 05		Trừ 05 điểm

4	Xác nhận, đề nghị khen thưởng không đúng quy định	- 10		Trừ 10 điểm
5	Lạm dụng chức vụ, quyền hạn đề đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật	- 05		Trừ 05 điểm
6	Không tham gia các phong trào thể thao, văn nghệ tại các Hội thi do Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc cụm, khối thi đua tổ chức	- 05		Trừ 05 điểm
7	Có công chức, viên chức và người lao động thuộc đơn vị bị yêu cầu kiểm điểm rút kinh nghiệm hoặc bị xử lý kỷ luật hình thức khiển trách	- 10		- Trừ 05 điểm /01 trường hợp - Trừ 10 điểm từ 02 trường hợp trở lên
	Tổng điểm	- 50		

VI. TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT THI ĐUA

1	Nội bộ mất đoàn kết, không gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngành đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức Đảng, đoàn thể không hoàn thành nhiệm vụ; có công chức, viên chức và người lao động bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự
2	Đề xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền
3	Tập thể đơn vị đang bị cơ quan có thẩm quyền xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang bị điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ
4	Tập thể, cá nhân gian dối trong việc kê khai công trạng, thành tích; làm giả hồ sơ, giấy tờ đề đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

5	Có bị can phải đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án do không phạm tội hoặc có bị cáo được Hội đồng xét xử tuyên không phạm tội mà bản án đã có hiệu lực pháp luật, có trách nhiệm của đơn vị
6	Có trường hợp vi phạm quy định về thời hạn tạm giữ, tạm giam gây hậu quả nghiêm trọng có trách nhiệm của đơn vị
7	Đình chỉ điều tra do miễn trách nhiệm hình sự đối với bị can không đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm của đơn vị
8	Giải ngân vốn đầu tư công chậm, tỷ lệ giải ngân thấp hơn tỷ lệ bình quân chung của cả nước.

* Ghi chú:

- Chỉ tiêu không phát sinh hoặc không có số liệu thực hiện thì không tính điểm.

- Mỗi chỉ tiêu phải kèm theo “Số liệu thực hiện/Số văn bản chứng minh” để làm căn cứ kiểm tra, đối chiếu.

Tổng số điểm đạt được (tổng số điểm của phần I+II+III+IV-V):.....

Kết quả: Đơn vị đề nghị danh hiệu thi đua:.....

..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

NGƯỜI LẬP BIỂU